TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2023
V/v Kiện xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Hồng Nam;
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Ngọc Ngư
2. Bà Đỗ T Bình

- Thư ký phiên toà: Vũ Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tốn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 196/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1990 (có mặt)
Nơi đăng ký HKTT, chỗ ở: Xóm TB, xã HT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên.
2. Bị đơn: Anh Ma Tránh N, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Nơi đăng ký HKTT: Xóm QT, xã HT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa chị Trần Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh N trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không ai lừa dối hay cưỡng ép, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên theo đúng quy định của pháp luật vào tháng 12 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại xóm QT, xã HT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trong lối sống, bất đồng quan điểm sống và

thường xuyên cãi chửi nhau. Mặc dù chị đã cố gắng khuyên giải anh N nhưng anh N không thay đổi lối sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2022 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Ma Quốc V, sinh ngày 31/12/2010 và Ma Quốc T sinh ngày 20/01/2017. Hiện nay cả hai con đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện PL đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N như: Thông báo thụ lý vụ án số 196/TB-TLVA ngày 21/12/2022; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 31/TB-TA ngày 12/4/2023 và Thông báo hòa giải lần thứ hai số 05/TB-TA ngày 05/5/2023. Tuy nhiên, anh N không cung cấp lời khai và cũng không có mặt tại Tòa án nên không thể tiến hành hòa giải được. Do anh N đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà nhưng vắng mặt tại nơi cư trú, bà Ngân là mẹ anh N có cùng cư trú với anh N từ chối nhận thay văn bản tố tụng của Tòa án. Tòa án đã tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/6/2023 và giấy triệu tập phiên tòa sơ thẩm (lần 1). Tòa án đã tiếp tục tống đạt trực tiếp giấy triệu tập phiên tòa số 125/GTT-TA ngày 03/7/2023 nhưng anh N từ chối nhận giấy triệu tập và Tòa án đã thông báo cho anh N biết ngày giờ diễn ra phiên tòa sơ thẩm (lần 2), tuy nhiên anh N vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56 và Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T xin ly hôn anh Ma Tránh N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Ma Tránh N.

Về con chung: Giao cả 02 con chung tên Ma Quốc V, sinh ngày 31/12/2010 và Ma Quốc T sinh ngày 20/01/2017 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N, do chị T không yêu cầu. Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn, bị đơn anh Ma Tránh N có nơi cư trú tại xóm QT, xã HT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ các quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên.

- Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện PL đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 179, Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh N vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2.] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Ma Tránh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong lối sống, quan điểm sống và thường xuyên có lời lẽ xúc phạm nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2022 cho đến nay. Tòa án đã thông báo cho anh N biết về việc chị T xin ly hôn anh N nhưng anh N cố tình không nhận giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt phiên tòa đến lần thứ hai, cho thấy anh N không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh N là hoàn toàn phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Ma Quốc V, sinh ngày 31/12/2010 và Ma Quốc T sinh ngày 20/01/2017. Hiện nay, cả hai con đang sinh

sống cùng với chị T. Nguyên vọng của chị T là được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Bị đơn anh N thường xuyên vắng nhà, không trực tiếp chăm sóc đến con chung. Xét nguyện vọng của chị T xin được nuôi con chung phù hợp với nguyện vọng của cháu Ma Quốc V là được ở cùng với chị T và xét điều kiện, hoàn cảnh để chăm sóc, giáo dục, ổn định cuộc sống cũng như học tập của con chung nên cần giao cả 02 con chung Ma Quốc V, sinh ngày 31/12/2010 và Ma Quốc T sinh ngày 20/01/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N, do chị T không yêu cầu. Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung. Anh N không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4.] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56 và Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T xin ly hôn anh Ma Tránh N.

Tuyên xử:

.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Ma Tránh N.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Ma Quốc V, sinh ngày 31/12/2010 và Ma Quốc T sinh ngày 20/01/2017.

Giao cả 02 con chung tên Ma Quốc V, sinh ngày 31/12/2010 và Ma Quốc T sinh ngày 20/01/2017 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N, do chị T không yêu cầu. Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003566 ngày 21/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PL.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- UBND xã/TT;
- Lưu: HS, bộ phận DS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Hồng Nam

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Hồng Nam